

**CỤC THUẾ
THUẾ TỈNH ĐẮK LẮK**

Số: 849 /DLA-NVDTPC
V/v tuyên truyền, phổ biến một số
nội dung mới của Luật Thuế TNDN số
67/2025/QH15

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 18 tháng 9 năm 2025

Kính gửi: Các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Ngày 14/6/2025, Quốc hội đã thông qua Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) số 67/2025/QH15, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/10/2025 và áp dụng từ kỳ tính thuế TNDN năm 2025. Để các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk hiểu và thực hiện tốt quy định, Thuế tỉnh Đắk Lắk tuyên truyền, phổ biến một số nội dung mới đáng chú ý của Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15 như sau:

1. Về người nộp thuế

Quy định doanh nghiệp nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam, bao gồm cả các doanh nghiệp kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số, phải thực hiện nộp thuế đối với thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam (nội dung được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 2 Luật Thuế TNDN).

2. Về thu nhập chịu thuế

Bổ sung quy định về thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam của doanh nghiệp nước ngoài có cơ sở thường trú tại Việt Nam (nộp thuế đối với thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam mà khoản thu nhập này không liên quan đến hoạt động của cơ sở thường trú) và của doanh nghiệp nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam (bao gồm cả các doanh nghiệp kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số, nộp thuế đối với thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam) là thu nhập nhận được có nguồn gốc từ Việt Nam, không phụ thuộc vào địa điểm tiến hành kinh doanh (nội dung được quy định tại khoản 3 Điều 3 Luật Thuế TNDN).

3. Về thu nhập được miễn thuế

- Sửa đổi, bổ sung quy định về thời gian miễn thuế tối đa không quá 03 năm đối với thu nhập từ việc thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; thu nhập từ bán sản phẩm làm ra từ công nghệ mới lần đầu tiên áp dụng ở Việt Nam; thu nhập từ bán sản phẩm sản xuất thử nghiệm trong thời gian sản xuất thử nghiệm bao gồm cả sản xuất thử nghiệm có kiểm soát theo quy định của pháp luật (nội dung được quy định tại khoản 4 Điều 4 Luật Thuế TNDN).

- Mở rộng thêm các khoản thu nhập được miễn thuế gồm:

+ Thu nhập từ chuyển nhượng tín chỉ các-bon lần đầu sau khi phát hành, thu nhập từ tiền lãi và từ chuyển nhượng trái phiếu xanh lần đầu sau khi phát hành (nội dung được quy định tại khoản 10 Điều 4 Luật Thuế TNDN).

+ Khoản hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách Nhà nước, khoản bồi thường của Nhà nước theo quy định của pháp luật (nội dung được quy định tại khoản 8 Điều 4 Luật Thuế TNDN).

+ Khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản theo quy định của pháp luật để cô phần hóa, sắp xếp lại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (nội dung được quy định tại khoản 9 Điều 4 Luật Thuế TNDN).

+ Thu nhập của đơn vị sự nghiệp công lập từ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công trong các trường hợp: Dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước do cơ quan có thẩm quyền ban hành; dịch vụ sự nghiệp công mà Nhà nước phải hỗ trợ, đảm bảo kinh phí hoạt động do chưa tính đủ chi phí cung cấp dịch vụ trong giá dịch vụ; dịch vụ sự nghiệp công tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (nội dung được quy định tại khoản 14 Điều 4 Luật Thuế TNDN).

4. Về kỳ tính thuế

Bổ sung quy định đối với doanh nghiệp nước ngoài có thu nhập từ hoạt động cung cấp hàng hóa, dịch vụ theo các hình thức kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng công nghệ số, không phụ thuộc vào địa điểm tiến hành kinh doanh thì kỳ tính thuế thực hiện theo pháp luật về quản lý thuế, có thể theo từng lần phát sinh hoặc theo tháng (nội dung được quy định tại khoản 2 Điều 5 Luật Thuế TNDN).

5. Về xác định thu nhập tính thuế

Sửa đổi, bổ sung quy định trường hợp doanh nghiệp có hoạt động sản xuất, kinh doanh bị lỗ thì được bù trừ số lỗ vào thu nhập chịu thuế của các hoạt động sản xuất, kinh doanh có thu nhập do doanh nghiệp tự lựa chọn (trừ thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư không bù trừ với thu nhập của hoạt động sản xuất, kinh doanh đang được hưởng ưu đãi thuế). Riêng đối với thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng dự án đầu tư thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản; chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản; chuyển nhượng quyền thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản phải xác định riêng để kê khai nộp thuế, không được bù trừ lỗ, lãi với hoạt động sản xuất, kinh doanh trong kỳ tính thuế (nội dung được quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 7 Luật Thuế TNDN).

6. Về phương pháp tính thuế

Bổ sung quy định áp dụng phương pháp tính thuế theo tỷ lệ % trên doanh thu đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu năm không quá 03 tỷ đồng trong trường hợp xác định được doanh thu nhưng không xác định được chi phí, thu nhập của hoạt động sản xuất, kinh doanh (nội dung được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Luật Thuế TNDN).

7. Về các khoản chi phí được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN

7.1. Về chi phí được trừ

Bổ sung các khoản chi được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN bao gồm: Khoản chi thực tế cho người được biệt phái tham gia quản trị, điều hành, kiểm soát tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng; một số khoản chi phục vụ sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp nhưng chưa tương ứng với doanh thu phát sinh trong kỳ theo quy định của Chính phủ; một số khoản chi hỗ trợ xây dựng công trình công cộng, đồng thời phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; chi phí liên quan đến việc giảm phát thải khí nhà kính nhằm trung hòa các-bon và net zero, giảm ô nhiễm môi trường, đồng thời liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; một số khoản đóng góp vào các quỹ được thành lập theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và quy định của Chính phủ (nội dung được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Luật Thuế TNDN).

- Nêu rõ Chính phủ quy định một số trường hợp đặc thù không phải đáp ứng điều kiện về chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt (nội dung được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 Luật Thuế TNDN).

7.2. Về chi phí không được trừ

- Sửa đổi quy định về việc không tính vào chi phí được trừ phần chi trả lãi tiền vay vốn sản xuất, kinh doanh của đối tượng không phải là tổ chức tín dụng vượt mức theo quy định của Bộ luật Dân sự (nội dung được quy định tại điểm i khoản 2 Điều 9 Luật Thuế TNDN).

- Quy định rõ phần thuế giá trị gia tăng nộp theo phương pháp khấu trừ không được tính vào chi phí được trừ không bao gồm phần thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ đầu vào có liên quan trực tiếp đến sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp chưa được khấu trừ hết nhưng không thuộc trường hợp hoàn thuế; số thuế giá trị gia tăng đầu vào khi đã được tính vào chi phí được trừ thì không được khấu trừ với số thuế giá trị gia tăng đầu ra (nội dung được quy định tại điểm 1 khoản 2 Điều 9 Luật Thuế TNDN).

8. Về thuế suất

Bổ sung quy định về thuế suất đối với doanh nghiệp thuộc nhóm có quy mô nhỏ, siêu nhỏ như sau: Áp dụng thuế suất 15% áp dụng đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu năm không quá 03 tỷ đồng; thuế suất 17% áp dụng đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu năm từ trên 03 tỷ đồng đến không quá 50 tỷ đồng. Quy định doanh thu làm căn cứ xác định doanh nghiệp thuộc đối tượng được áp dụng thuế suất 15% và 17% là tổng doanh thu của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp trước liền kề (nội dung được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 10 Luật Thuế TNDN).

- Quy định thuế suất 15% và 17% không áp dụng đối với doanh nghiệp là công ty con hoặc công ty có quan hệ liên kết mà doanh nghiệp trong quan hệ liên kết không phải là doanh nghiệp đáp ứng điều kiện áp dụng thuế suất ưu đãi (nội dung được quy định tại khoản 4 Điều 18 Luật Thuế TNDN).

9. Về ưu đãi thuế TNDN

9.1. Nguyên tắc áp dụng ưu đãi

- Quy định cụ thể các nguyên tắc áp dụng ưu đãi thuế TNDN căn cứ theo ngành, nghề ưu đãi, địa bàn ưu đãi theo quy định của Luật Thuế TNDN số

67/2025/QH15. Trường hợp luật khác có quy định về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp khác với quy định của Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15 thì thực hiện theo quy định của Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15, trừ Luật Thủ đô và các nghị quyết quy định cơ chế, chính sách đặc biệt, đặc thù của Quốc hội (nội dung được quy định tại khoản 1 Điều 12 Luật Thuế TNDN).

- Bổ sung các ngành, nghề được hưởng ưu đãi: Dự án đầu tư thuộc đối tượng ưu đãi và hỗ trợ đầu tư đặc biệt quy định tại khoản 2 Điều 20 của Luật Đầu tư; đầu tư kinh doanh cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa; đầu tư kinh doanh khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (nội dung được quy định tại điểm h và điểm o khoản 2 Điều 12 Luật Thuế TNDN).

- Bổ sung quy định địa bàn ưu đãi thuế TNDN do Chính phủ quy định bao gồm: Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung (nội dung được quy định tại khoản 3 Điều 12 Luật Thuế TNDN).

- Bổ sung quy định về việc kế thừa các nghĩa vụ, quyền lợi liên quan đến ưu đãi thuế trong trường hợp doanh nghiệp sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp (nội dung được quy định tại khoản 5 Điều 12 Luật Thuế TNDN).

9.2. Về mức thuế suất ưu đãi và thời gian áp dụng ưu đãi

- Sửa đổi, bổ sung quy định việc áp dụng thuế suất 10% trong thời hạn 15 năm đối với dự án đầu tư mới tại khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung; dự án đầu tư mới tại khu kinh tế nằm trên địa bàn có điều kiện KT-XH khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn (nội dung quy định tại điểm d khoản 1 Điều 13 Luật Thuế TNDN).

- Bổ sung quy định áp dụng mức thuế suất ưu đãi 17% trong thời gian 10 năm đối với dự án đầu tư kinh doanh cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa; đầu tư kinh doanh khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; dự án đầu tư mới tại khu kinh tế nhưng không nằm trên địa bàn có điều kiện KT-XH khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn (nội dung quy định tại điểm a và điểm c khoản 4 Điều 13 Luật Thuế TNDN).

9.3. Về thời gian miễn, giảm thuế TNDN

- Bổ sung quy định dự án đầu tư kinh doanh cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa; đầu tư kinh doanh khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và dự án đầu tư mới tại khu kinh tế nhưng không nằm trên địa bàn có điều kiện KT-XH khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn được miễn thuế tối đa 02 năm và giảm 50% số thuế đối đa không quá 04 năm tiếp theo (nội dung quy định tại khoản 2 Điều 14 Luật Thuế TNDN).

- Bổ sung quy định về áp dụng ưu đãi thuế đối với dự án đầu tư mở rộng (nội dung quy định tại khoản 5 Điều 14 Luật Thuế TNDN).

9.4. Về các trường hợp miễn, giảm thuế khác

- Bổ sung quy định về việc giảm 50% số thuế TNDN phải nộp đối với thu nhập của đơn vị sự nghiệp công lập từ hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công tại địa bàn có điều kiện KT-XH khó khăn (nội dung quy định tại khoản 3 Điều 15 Luật Thuế TNDN).

- Bổ sung quy định về việc áp dụng miễn thuế TNDN trong 02 năm liên tục kể từ khi có thu nhập chịu thuế đối với doanh nghiệp chuyển đổi từ hộ kinh doanh (nội dung quy định tại khoản 4 Điều 15 Luật Thuế TNDN).

9.5. Về chuyển lỗ

- Sửa đổi quy định về thời gian chuyển lỗ tính liên tục không quá 05 năm, kể từ năm tiếp theo năm phát sinh lỗ (nội dung quy định tại khoản 1 Điều 16 Luật Thuế TNDN).

- Doanh nghiệp có lỗ từ hoạt động chuyển nhượng dự án thăm dò, khai thác khoáng sản; chuyển nhượng quyền tham gia dự án thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản; chuyển nhượng quyền thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản được chuyển lỗ sang năm sau vào thu nhập chịu thuế của hoạt động đó (nội dung quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật Thuế TNDN).

9.6. Về điều kiện áp dụng ưu đãi thuế TNDN

- Bổ sung thêm tiêu chí phân bổ theo chi phí đối với trường hợp doanh nghiệp không hạch toán riêng được thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh được ưu đãi thuế (nội dung quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật Thuế TNDN).

- Bổ sung các quy định về loại trừ ưu đãi đối với thu nhập từ hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản và thu nhập từ sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt, trừ dự án sản xuất, lắp ráp ô tô, máy bay, trực thăng, tàu lượn, du thuyền, lọc hóa dầu (nội dung quy định tại điểm b và điểm c khoản 3 Điều 18 Luật Thuế TNDN).

Trên đây là nội dung tuyên truyền một số quy định mới của Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15. Thuế tỉnh Đắk Lắk gửi Công văn này đến các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh để các đơn vị nghiên cứu. Sau khi các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15 được ban hành, Thuế tỉnh Đắk Lắk sẽ tiếp tục tuyên truyền, phổ biến để các tổ chức, doanh nghiệp được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Báo và PTHT Đắk Lắk (để p/h đưa tin);
- Hiệp hội DN tỉnh Đắk Lắk;
- Hội Doanh nhân trẻ tỉnh Đắk Lắk;
- Hội nữ doanh nhân tỉnh Đắk Lắk;
- Lãnh đạo Thuế tỉnh;
- Văn phòng, các Phòng thuộc Thuế tỉnh;
- Các Thuế cơ sở thuộc Thuế tỉnh;
- Website, Zalo Thuế tỉnh;
- Lưu: VT, NVDTPC.



Nguyễn Anh Tuấn